

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ 9
TUẦN 12**

Học sinh lưu ý:

I. Trong study.hanoi.edu.vn: Làm đề Ôn tập THCS – đề 19.

II. Đáp án các câu hỏi tuần 11:

1B	2B	3C	4B	5D	6B	7D	8A	9C	10B
----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

III. Ghi nhớ nội dung bài 39:

**Bài 39 – Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển – đảo
(tiếp theo)**

II. Phát triển tổng hợp kinh tế biển: (tiếp)

3. Khai thác và chế biến khoáng sản

- Tiềm năng: Một số khoáng sản biển: Muối, oxit titan, cát trắng, dầu, khí.
- Tình hình phát triển:
 - Nghề làm muối có từ lâu đời (Sa Huỳnh, Cà Ná ...).
 - Khai thác cát làm thủy tinh, pha lê (Quảng Ninh, Khánh Hoà, ...).
 - Khai thác dầu khí (thêm lục địa), xuất khẩu dầu thô, chế biến dầu (Dung Quất,...).
- Phương hướng phát triển: Đẩy mạnh phát triển ngành chế biến dầu khí.

4. Giao thông vận tải biển

- Tiềm năng:
 - Vị trí: Gần nhiều tuyến đường biển quốc tế.
 - Ven biển nhiều vũng, vịnh, cửa sông ... thuận lợi cho xây dựng cảng.
- Tình hình phát triển: Đã có khoảng 120 cảng, lớn nhất: cảng Sài Gòn.
- Phương hướng phát triển:
 - Phát triển các đội tàu chuyên dụng.
 - Nâng cao phát triển dịch vụ hàng hải.

III. Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển đảo

1. Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển đảo

- Diện tích rừng ngập mặn giảm nhanh.
- Nguồn lợi hải sản giảm, nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng ...
(do khai thác bất hợp lý, quá mức phục hồi, đánh bắt bằng phương tiện có tính huỷ diệt, ô nhiễm ...).
- Ô nhiễm môi trường biển có xu hướng gia tăng (do chất thải chưa qua xử lý, ô nhiễm hoá học ...).

2. Các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển

- Đầu tư khai thác hải sản ở vùng nước sâu xa bờ.
- Bảo vệ, trồng rừng ngập mặn.
- Cấm khai thác san hô.
- Bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản.
- Phòng chống ô nhiễm biển bởi các yếu tố hoá học, đặc biệt là dầu mỏ.

IV. Chọn đáp án đúng nhất cho mỗi câu sau:

Câu 1: Khoáng sản vô tận ở biển nước ta là:

- | | |
|----------------|-------------------|
| A. Dầu khí. | C. Muối. |
| B. Oxit titan. | D. Cát thủy tinh. |

Câu 2: Nước ta bắt đầu khai thác dầu khí từ năm

- | | | | |
|----------|----------|----------|----------|
| A. 1975. | B. 1986. | C. 1995. | D. 1997. |
|----------|----------|----------|----------|

Câu 3: Nghề làm muối phát triển mạnh ở ven biển Nam Trung Bộ là do

- A. nước biển mặn, khí hậu nhiều nắng, ít mưa.
- B. địa hình bằng phẳng, thuận lợi cho việc phơi muối.
- C. người dân có kinh nghiệm sản xuất muối hơn nơi khác.
- D. giao thông thuận tiện cho việc vận chuyển, tiêu thụ muối.

Câu 4: Điều kiện nào sau đây **không** thuận lợi để xây dựng cảng biển nước ta?

- A. Nước ta nằm gần nhiều tuyến đường biển quốc tế.
- B. Ven biển có nhiều vũng vịnh để xây dựng cảng nước sâu.
- C. Một số cửa sông thuận lợi cho xây dựng cảng biển.
- D. Dọc theo bờ biển có nhiều bãi bồi phù sa.

Câu 5: Cảng nước sâu Cái Lân, Nghi Sơn thuộc các tỉnh nào sau đây?

- A. Hải Phòng, Quảng Ninh.
- B. Quảng Ninh, Thanh Hoá.
- C. Thanh Hoá, Quảng Ngãi.
- D. Quảng Ninh, Hà Tĩnh.

Câu 6: Nhà máy lọc dầu được xây dựng đầu tiên ở nước ta là

- A. Nghi Sơn (Thanh Hoá).
- B. Dung Quất (Quảng Ngãi).
- C. Long Sơn (Bà Rịa – Vũng Tàu).
- D. Vũng Rô (Phú Yên).

Câu 7: Hiện tượng ô nhiễm môi trường biển **không** có biểu hiện nào sau đây?

- A. Diện tích rừng ngập mặn giảm mạnh.
- B. Nguồn lợi hải sản bị suy giảm đáng kể.
- C. Một số loài sinh vật biển có nguy cơ tuyệt chủng.
- D. Nhiều loài hải sản giảm về mức độ tập trung.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** phải là phương hướng chính để bảo vệ môi trường biển nước ta?

- A. Bảo vệ rừng ngập mặn hiện có, đẩy mạnh các chương trình trồng rừng.
- B. Bảo vệ rạn san hô ngầm ven biển và cấm khai thác san hô dưới mọi hình thức.
- C. Phòng chống ô nhiễm biển bởi các yếu tố hoá học, đặc biệt là dầu mỏ.
- D. Hạn chế phát triển hoạt động du lịch tắm biển ở một số vùng.

Cho bảng số liệu:

Sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu của nước ta, giai đoạn 2000 – 2015

	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2015
Dầu thô khai thác (triệu tấn)	16,3	18,5	15,0	18,7
Khí tự nhiên (m ³)	1,6	6,4	9,4	10,7
Dầu thô xuất khẩu (triệu tấn)	15,4	18,0	8,1	9,2

(dùng cho câu 9 và 10)

Câu 9: Lấy sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu năm 2000 bằng 100%, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tình hình tăng trưởng sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên, dầu thô xuất khẩu giai đoạn 2000 – 2015 là

- A. tròn.
- B. đường.
- C. cột.
- D. kết hợp.

Câu 10: Nhận định nào sau đây đúng về sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên và dầu thô xuất khẩu giai đoạn 2000 – 2015?

- A. Sản lượng dầu thô khai thác có tốc độ tăng trưởng cao, 668% so với năm 2000.
- B. Sản lượng khí đốt có tốc độ tăng trưởng thấp, 114% so với năm 2000.
- C. Sản lượng dầu thô xuất khẩu giảm từ 100% năm 2000 xuống còn 59,7% năm 2015.
- D. Nhìn chung sản lượng dầu thô khai thác, khí tự nhiên và dầu thô xuất khẩu đều tăng trong giai đoạn 2000 – 2015.

-----Hết-----